

BÀI LÀM

I. Một số vấn đề lí luận

Theo quy định của Luật biển quốc tế, tất cả các quốc gia ven biển đều được quyền hoạch định các vùng biển của mình như nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế... Trong trường hợp vùng biển của quốc gia độc lập, không có liên quan đến lợi ích của các quốc gia khác thì ranh giới của các vùng biển do các quốc gia ven biển xác định phù hợp với luật pháp và thực tiễn quốc tế.

Tuy nhiên, trong trường hợp vùng biển của quốc gia ven biển lại nằm tiếp liền, đối diện hoặc chồng lấn với vùng biển của các quốc gia khác thì việc hoạch định ranh giới biển cần phải có sự thoả thuận của các quốc gia liên quan.

Một cách tổng quát, *phân định biển được hiểu là quá trình hoạch định đường ranh giới phân chia các vùng biển giữa hai hay nhiều quốc gia hữu quan.*

Pháp luật quốc tế và thực tiễn giữa các quốc gia cho thấy rằng việc phân định biển thường được tiến hành bằng con đường thoả thuận. Sự thành công và khoảng thời gian yêu cầu cho quá trình phân định biển dài hay ngắn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khách quan và chủ quan như: địa hình biển, lập trường, thái độ và sự thiện chí của các quốc gia liên quan, vị trí và giá trị của vùng biển phân định...

Thực tiễn quan hệ quốc tế cho thấy các quốc gia thường thoả thuận áp dụng các phương pháp phân định biển như sau:

✓ *Phương pháp đường trung tuyến cách đều:* đây là phương pháp áp dụng trong trường hợp các quốc gia có bờ biển tiếp liền hoặc đối diện nhau.

Theo phương pháp này, đường ranh giới để phân định biển chính là đường mà tất cả các điểm nằm trên đường đó đều cách đều các điểm gần nhất của đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của các quốc gia.

Phương pháp đường trung tuyến cách đều thường được áp dụng để phân định lãnh hải. Tuy nhiên, để áp dụng phương pháp này, các quốc gia phải xem xét một cách thích đáng đến những hoàn cảnh cụ thể để đạt được một kết quả công bằng.

▼ *Phương pháp công bằng:* Theo phương pháp này, trong quá trình phân định biên các bên hữu quan cần phải xem xét, cân nhắc các yếu tố cụ thể như: yếu tố hình dạng bờ biển, yếu tố đảo, yếu tố hàng hải...để từ đó tìm ra được những giải pháp công bằng được các bên công nhận.

Các giải pháp đó đương nhiên mang tính đặc thù và thích ứng với từng trường hợp phân định cụ thể.

Phân định Lãnh hải và Vùng tiếp giáp

Cho đến nửa đầu thế kỷ XX, đa số các ranh giới lãnh hải được xác định bằng phương pháp đường trung tuyến cách đều. Ngoài ra, một số phương pháp kỹ thuật khác cũng được sử dụng, như: đường vuông góc với xu hướng chung của bờ biển tại khu vực phân định; đường phân giác góc tạo bởi hai bờ biển nằm tiếp liền; đường biên giới trên bộ kéo dài ra biển; theo một kinh tuyến hay một vĩ tuyến cụ thể. Những phương pháp kỹ thuật này tỏ ra thích hợp trong điều kiện lãnh hải có chiều rộng hạn chế vào thời kỳ đó, thường là 3 hải lý. Khi phạm vi không gian của lãnh hải được mở rộng ra trên cơ sở các yêu sách về lãnh hải rộng 12 hải lý hoặc hơn nữa, đương nhiên sẽ xuất hiện thêm nhiều yếu tố có thể ảnh hưởng đến phân định ranh giới lãnh hải như sự hiện diện của các đảo, công trình nhân tạo nổi thường xuyên trên mặt nước biển, hoạt động hàng hải, khai thác tài nguyên v.v..

Vì vậy, điều 12 khoản 1 của Công ước về Lãnh hải và Vùng tiếp giáp năm 1958, sau đó được nhắc lại đầy đủ trong điều 15 của Công ước Luật biển 1982, quy định:

"Khi hai quốc gia có bờ biển nằm tiếp liền hoặc đối diện nhau, không một quốc gia nào được quyền mở rộng lãnh hải ra quá đường trung tuyến mà mọi điểm trên đó cách đều các điểm gần nhất của đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của mỗi quốc gia, trừ khi có sự thỏa thuận khác. Tuy nhiên, quy định này không áp dụng trong trường hợp do có những danh nghĩa lịch sử hoặc các hoàn cảnh đặc biệt khác cần xác định ranh giới lãnh hải của hai quốc gia theo cách khác không được trừ định trong điều khoản này".

Thực tiễn quốc tế phân định lãnh hải và vùng tiếp giáp cho thấy các hoàn cảnh đặc biệt có thể được hiểu là:

- Hình dạng bất thường của bờ biển;
- Sự hiện diện của các đảo;
- Tuyến đường và luồng hàng hải.

Một điểm đáng lưu ý là trong Công ước Luật biển 1982 không có những qui định riêng biệt về phân định nội thủy và vùng tiếp giáp lãnh hải.

Như vậy, vấn đề đặt ra là các vùng biển này sẽ được phân định như thế nào?

Đối với phân định Nội thủy việc áp dụng các qui định của điều 15 Công ước Luật biển 1982 đã được chấp nhận cả về mặt lý thuyết lẫn thực tiễn quốc tế. Song đối với phân định vùng Tiếp giáp lãnh hải thì phức tạp hơn. Thực tiễn phân định vùng tiếp giáp lãnh hải giữa các quốc gia trong thời gian gần đây cho thấy các quốc gia về cơ bản đã chấp nhận áp dụng những quy định về phân định lãnh hải trong điều 15 Công ước luật biển 1982 cho việc phân định vùng tiếp giáp lãnh hải.

Ngoài ra, do quy chế pháp lý của vùng tiếp giáp lãnh hải gần với vùng đặc quyền kinh tế hơn là với lãnh hải nên trong trường hợp xuất hiện nhu cầu phân định ranh giới giữa vùng tiếp giáp lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế, việc áp dụng điều 74 Công ước Luật biển 1982 về phân định vùng Đặc quyền kinh tế được coi là hợp lý.

Phân định vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

Phân định thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế được quy định giống nhau trong hai điều 74 và 83 của Công ước Luật biển 1982:

"Phân định ranh giới vùng đặc quyền kinh tế (thềm lục địa) giữa các quốc gia có bờ biển nằm tiếp liền hoặc đối diện nhau:

1. Việc hoạch định ranh giới vùng đặc quyền kinh tế (thềm lục địa) giữa các quốc gia có bờ biển nằm tiếp liền hoặc đối diện nhau được thực hiện bằng con đường thoả thuận theo đúng luật pháp quốc tế như đã nêu ở Điều 38 của Quy chế Tòa án Quốc tế để đi đến một giải pháp công bằng.

2. Nếu không đi tới được một thoả thuận trong một thời gian hợp lý, các quốc gia hữu quan sử dụng các thủ tục nêu ở phần XV.

3. Trong khi chờ ký kết thoả thuận nói ở khoản 1, các quốc gia hữu quan, trên tinh thần hiểu biết và hợp tác, làm hết sức mình để đi đến các dàn xếp tạm thời có tính chất thực tiễn và để không phương hại hay cản trở việc ký kết các thoả thuận dứt khoát trong giai đoạn quá độ này. Các dàn xếp tạm thời không phương hại đến việc hoạch định cuối cùng.

4. Khi một điều ước đang có hiệu lực giữa các quốc gia hữu quan, các vấn đề liên quan đến việc hoạch định ranh giới vùng đặc quyền kinh tế (thềm lục địa) được giải quyết theo đúng điều ước đó".

Có thể nhận thấy, khác với phân định lãnh hải, Công ước Luật biển 1982 không đưa ra một phương pháp phân định thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế cụ thể nào. Thay vào đó, Công ước nhấn mạnh đến 2 nguyên tắc: “trên cơ sở luật pháp quốc tế” và “giải pháp công bằng”. Như vậy, Công ước đã mở ra khả năng áp dụng rộng rãi tất cả các nguồn của luật pháp quốc tế liên quan đến vấn đề này, kể cả tập quán quốc tế cũng như các án lệ quốc tế và thực tiễn phân định giữa các quốc gia, để đạt được “thoả thuận”. Trong mỗi trường hợp phân định cụ thể, “giải pháp công bằng” được coi là giải pháp mà các bên hữu quan có thể chấp nhận được sau khi xem xét tất cả các yếu tố liên quan trong khu vực phân định và áp dụng linh hoạt các quy định về phân định.

Ngoài ra, thực tiễn quốc tế cũng cho thấy không có một giới hạn pháp lý nào trong việc xác định các yếu tố liên quan. Các yếu tố này có thể bao gồm:

- Các đặc điểm địa lý, địa mạo, địa chất,
- Sự hiện diện của mỏ tài nguyên
- Tỷ lệ giữa chiều dài bờ biển và diện tích thềm lục địa,
- Sự hiện diện của đảo,
- Yếu tố quốc gia bất lợi về địa lý,
- Lợi ích kinh tế, chính trị, an ninh,
- Truyền thống đánh cá,
- Giao thông hàng hải,
- Yếu tố văn hoá,
- Các quyền lợi chính đáng khác .v.v...

Án lệ quốc tế trong lĩnh vực phân định vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa cho thấy có sự ưu tiên xem xét các đặc trưng về địa lý, trong đó ba yếu tố thường được ưu tiên và có ảnh hưởng nhiều đến giải pháp phân định là:

- i) Hình thái bờ biển,
- ii) Sự hiện diện của đảo,
- iii) Tỷ lệ giữa chiều dài bờ biển và diện tích thềm lục địa.

Khoản 3 của hai điều 74 và 83 trên thực tế đã pháp điển hóa một thực tiễn khá phổ biến, theo đó các bên tranh chấp vùng đặc quyền kinh tế hay thềm lục địa chồng lấn có thể thoả thuận về một "dàn xếp tạm thời" như hợp tác cùng thăm dò, khai thác, bảo vệ tài nguyên môi trường... Điểm đáng chú ý là “dàn xếp tạm thời” không được làm phương hại đến giải pháp cuối cùng, tức là "dàn xếp tạm thời" không được ảnh hưởng đến kết quả phân định. Thoả thuận về "dàn xếp tạm thời" không có nghĩa chấm dứt đàm phán phân định. "Dàn xếp tạm thời" là giải pháp hoà hoãn, góp phần hạn chế những nguy cơ gây xung đột, tạo cơ sở cho các bên hợp tác sử dụng, khai thác vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa cũng như bảo vệ môi trường biển ở đó.

II. Đánh giá thực tiễn phân định biển giữa Việt Nam với các nước láng giềng

1. Phân định ranh giới trên biển Việt Nam - Thái Lan (Vịnh Thái Lan)

**** Vị trí, đặc điểm và tầm quan trọng của Vịnh Thái Lan***

Vịnh Thái Lan (còn gọi là Vịnh Xiêm) là một vùng biển nửa kín, với diện tích khoảng 300.000 km², giới hạn bởi bờ biển 4 nước Thái Lan (1560km), VN (230 km), Malaixia (150 km) và CPC (460 km). Vịnh thông ra Biển Đông ở phía Nam bằng một cửa duy nhất hẹp bởi mũi Cà Mau và mũi Trenggranu cách nhau chừng 400 km (215 hải lý). Vịnh khá dài (chừng 450 hải lý) nhưng có diện tích nhỏ, chiều rộng trung bình là 385 km (208 hải lý), có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam về an ninh quốc phòng và kinh tế do có ngư trường rộng lớn và tiềm năng dầu khí. Trong Vịnh có một số đảo quan trọng của hai nước, phía VN có đảo Phú Quốc, đảo Thổ Chu... phía Thái Lan có đảo Ko Phangun, Ko Samui...

** Thực tiễn đàm phán và kết quả phân định ranh giới Vịnh Thái Lan*

Năm 1971, Bộ Kinh tế của chính quyền Sài Gòn đã công bố Nghị định về phân lô thăm dò và khai thác dầu khí, qua đó xác định ranh giới ngoài thêm lục địa phía Nam VN theo đường trung tuyến giữa bờ biển và các đảo xa bờ của VN (Thổ Chu và Wai - lúc đó chưa được VN thừa nhận thuộc chủ quyền của CPC) với bờ biển của Malaixia và Thái Lan.

Năm 1973, Thái Lan ra tuyên bố về ranh giới thêm lục địa của Thái Lan là đường trung tuyến giữa bờ biển và các đảo ven bờ của Thái Lan với bờ biển và đảo Phú Quốc của VN.

Hai yêu sách về thêm lục địa này đã tạo thành một vùng chồng lấn trong Vịnh Thái Lan rộng hơn 6000 km² cần được phân định.

Từ tháng 9/1992 đến 8/1997 hai bên đã tiến hành 9 vòng đàm phán và thống nhất phân định thêm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế giữa hai nước bằng một đường ranh giới duy nhất.

Đàm phán giữa Việt Nam và Thái Lan kết thúc bằng việc Bộ trưởng Ngoại giao hai nước ký Hiệp định về phân định ranh giới trên biển giữa hai nước trong Vịnh Thái Lan ngày 9/8/1997 tại Băng-Kốc.

Đây là Hiệp định phân định biển đầu tiên của Việt Nam, bao gồm 6 điều khoản với nội dung chính như sau:

- Đường phân chia thêm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế giữa hai nước Việt Nam-Thái Lan trong Vịnh Thái Lan là một đường thẳng từ điểm C tới điểm K. Điểm C là điểm nhô ra nhất về phía Bắc của khu vực phát triển chung Thái Lan-Malaixia được xác định trong Bản ghi nhớ giữa 2 nước ngày 21/02/1979 và trùng với điểm 43 của đường yêu sách thêm lục địa Malaixia năm 1979.

- Điểm K nằm trên đường thẳng cách đều đảo Thổ Chu và đảo Wai của CPC, đây là đường “dàn xếp tạm thời” VN-CPC năm 1991. Với kết quả này, VN được hưởng 1/3 diện tích và Thái Lan được hưởng 2/3 diện tích vùng chồng lấn.

- Trong trường hợp có cấu trúc dầu khí, hoặc mỏ khoáng sản nằm vắt ngang đường ranh giới thì hai bên có trách nhiệm trao đổi thông tin, cùng tìm kiếm thỏa thuận

sao cho các cấu trúc hoặc mỏ này được khai thác một cách hiệu quả nhất và chi phí cũng như lợi tức từ việc khai thác sẽ được phân chia một cách công bằng.

- Hai bên cam kết sẽ tiến hành đàm phán với Malaixia về khu vực yêu sách thêm lục địa chồng lấn giữa ba nước, nằm trong vùng phát triển chung Thái Lan-Malaixia.

** Đánh giá*

Đây là hiệp định về vạch đường biên giới biển đầu tiên Việt Nam ký kết với các quốc gia láng giềng. Sau khi ký kết, hoạt động quản lý biển, đánh bắt hải sản đi vào nề nếp, tình hình trên biển ổn định, công cuộc thăm dò khai thác dầu khí hai bên đường ranh giới của hai bên được tiến hành mạnh mẽ và đạt được kết quả tích cực. Các công ty dầu khí ở nước ta vừa ra tuyên bố đã phát hiện thương mại đối với bốn mỏ khí lớn ở trên thềm lục địa Việt Nam trong Vịnh Thái Lan. Hai bên đã triển khai công tác tuần tra chung giữa các lực lượng kiểm tra, kiểm soát trên biển của 2 nước mở rộng hợp tác trong lĩnh vực phòng chống tội phạm trên biển như đánh bắt hải sản trái phép, cướp có vũ trang trên biển... góp phần ổn định tình hình trên biển, tăng cường lòng tin, sự hợp tác và quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam và Thái Lan.

2. Phân định Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc

** Vị trí, đặc điểm và tầm quan trọng của Vịnh Bắc Bộ*

Vịnh Bắc Bộ có diện tích khoảng 126.250 km² (36.000 hải lý vuông), chiều ngang nơi rộng nhất khoảng 310 km (176 hải lý), nơi hẹp nhất ở cửa Vịnh rộng khoảng 207,4 km (112 hải lý). Bờ biển của Vịnh có tổng chiều dài khoảng 1458 km, trong đó bờ biển Việt Nam dài khoảng 763 km và Trung Quốc khoảng 695 km. Dọc theo bờ biển của Vịnh, có khoảng 16 triệu người dân Việt Nam sinh sống tại 10 tỉnh, thành phố của Việt Nam và khoảng 40 triệu người dân Trung Quốc sinh sống tại 2 tỉnh Quảng Tây, Hải Nam. Vịnh có hai cửa: eo biển Quỳnh Châu nằm giữa bán đảo Lôi Châu và đảo Hải Nam với bề rộng khoảng 19 hải lý và cửa chính của Vịnh từ đảo Cồn Cỏ (Việt Nam) tới đảo Hải Nam (Trung Quốc) rộng khoảng 112 hải lý. Phần Vịnh phía Việt Nam có khoảng 2.300 đảo, đá ven bờ, đặc biệt có đảo Bạch Long Vĩ nằm cách đất liền Việt Nam

khoảng 110 km, cách đảo Hải Nam (Trung Quốc) khoảng 130 km. Phía Trung Quốc chỉ có một số ít đảo nhỏ ở phía Đông Bắc Vịnh như đảo Vị Châu, đảo Tà Dương. Do chiều rộng của Vịnh Bắc Bộ nơi rộng nhất không đến 200 hải lý và do bờ biển Việt Nam và Trung Quốc chủ yếu nằm đối diện nên theo quy định của Luật biển 1982 (Việt Nam và Trung Quốc đều là thành viên), vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của hai nước trong Vịnh bị “chồng lấn” lên nhau. Ngoài ra, tại khu vực ngoài cửa sông Bắc Luân, nơi bờ biển hai nước nằm tiếp liền nhau, lãnh hải hai nước cũng có sự “chồng lấn” cần được phân định.

Vịnh là nơi chứa đựng nhiều tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là hải sản và dầu khí. Trong Vịnh có nhiều ngư trường lớn, cung cấp nguồn hải sản quan trọng cho đời sống của nhân dân hai nước. Các dự báo cho thấy đáy biển và lòng đất dưới đáy của Vịnh có tiềm năng về dầu mỏ và khí đốt. Vịnh là cửa ngõ giao lưu từ lâu đời của Việt Nam ra thế giới, có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, thương mại quốc tế cũng như quốc phòng an ninh của nước ta. Đối với khu vực phía Nam Trung Quốc, Vịnh cũng có vị trí quan trọng. Vì vậy, cả hai nước đều rất coi trọng việc quản lý, sử dụng và khai thác Vịnh.

Như vậy, trong Vịnh Bắc Bộ hai nước phải tiến hành đàm phán để phân định lãnh hải nhằm xác định biên giới trên biển và phân định vùng đặc quyền kinh tế cũng như thềm lục địa nhằm xác định ranh giới các vùng biển này.

** Thực tiễn đàm phán và kết quả phân định Vịnh Bắc Bộ*

Vào năm 1974 và từ năm 1977 đến 1978, Việt Nam và Trung Quốc đã tiến hành 2 cuộc đàm phán cấp chính phủ về biên giới, lãnh thổ trong đó có vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ. Tuy nhiên, hai cuộc đàm phán này đã không đạt kết quả nào do lập trường hai bên lúc đó quá khác xa nhau.

Từ năm 1991, cùng với việc bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, Việt Nam và Trung Quốc đã quyết định thông qua thương lượng để giải quyết các vấn đề biên giới lãnh thổ, trong đó có vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ.

Trong 9 năm, từ năm 1992 đến năm 2000, hai bên đã tiến hành cuộc đàm phán lần thứ 3 với:

- 7 vòng đàm phán cấp Chính phủ,
- 3 cuộc gặp giữa hai Trưởng đoàn đàm phán cấp Chính phủ,
- 18 vòng đàm phán cấp chuyên viên và nhiều vòng họp khác của Tổ chuyên viên liên hợp, Tổ chuyên gia đo vẽ, xây dựng Tổng đồ Vịnh Bắc Bộ (tổng cộng 49 vòng họp, trung bình mỗi năm có hơn 5 vòng họp).

Ngày 19/10/1993 hai nước đã ký “Thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề biên giới - lãnh thổ giữa Việt Nam và Trung Quốc”, trong đó nêu rõ nguyên tắc chỉ đạo đàm phán phân định Vịnh Bắc Bộ như sau:

"Hai bên đồng ý sẽ áp dụng luật biển quốc tế và tham khảo thực tiễn quốc tế, để tiến hành đàm phán phân định Vịnh Bắc Bộ. Nhằm đạt thỏa thuận về phân định Vịnh Bắc Bộ, hai bên cần theo nguyên tắc công bằng và tính đến mọi hoàn cảnh hữu quan trong Vịnh để đi đến một giải pháp công bằng".

Giải pháp “công bằng” được đề cập đến ở đây hoàn toàn không có nghĩa phân chia đồng đều về diện tích. Để đạt được giải pháp công bằng, hai bên căn cứ vào những hoàn cảnh cụ thể, khách quan cũng như những yếu tố đặc trưng của khu vực phân định để đàm phán và đi đến thống nhất về đường phân định.

Đối với Vịnh Bắc Bộ, những hoàn cảnh và các yếu tố đó là chiều dài và hình thái của bờ biển trong Vịnh, sự hiện diện của các chuỗi đảo, nhóm đảo là bộ phận cấu thành của Vịnh.

Nhân dịp chuyến thăm chính thức Trung Quốc của Chủ tịch nước Trần Đức Lương, ngày 25/12/2000 tại Bắc Kinh, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hai nước đã ký Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ. Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ gồm 11 điều khoản, quy định về một đường phân định nối tuần tự 21 điểm có tọa độ địa lý cụ thể để phân định rõ ràng lãnh hải (từ điểm số 1 đến điểm số 9) và ranh giới chung cho vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa (từ điểm số 9 đến điểm số 21). Phạm vi phân định theo Hiệp định là toàn bộ Vịnh Bắc Bộ với đường đóng cửa vịnh là đường thẳng nối giữa mũi Oanh Ca (đảo Hải Nam, Trung Quốc) qua đảo Cồn Cỏ (Việt Nam) đến một điểm trên bờ biển Việt Nam tại tỉnh Quảng Trị. Hiệp định quy định mỗi bên tiến hành việc thăm dò, khai thác một cách độc lập các tài nguyên khoáng sản trong phạm vi vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa

của mình. Đối với các mỏ dầu, khí tự nhiên đơn nhất hoặc mỏ khoáng sản khác nằm vắt ngang đường phân định, hai bên phải thông qua hiệp thương hữu nghị để đạt thoả thuận về việc khai thác hữu hiệu nhất cũng như việc phân chia công bằng lợi ích thu được. Theo đường phân định, phía Việt Nam được hưởng 53,23%, phía Trung Quốc được 46,77% diện tích Vịnh. Đường phân định đi cách đảo Bạch Long Vĩ 15 hải lý, tức đảo được hưởng lãnh hải 12 hải lý, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa 3 hải lý (25% hiệu lực); đảo Côn Cỏ được hưởng 50% hiệu lực trong phân định vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

** Đánh giá*

Đây là một kết quả công bằng đạt được trên cơ sở luật pháp và điều kiện cụ thể của Vịnh (bờ biển của ta dài hơn của Trung Quốc, ta có nhiều đảo trong Vịnh, đặc biệt có đảo Bạch Long Vĩ nằm gần chính giữa Vịnh...) Trong Hiệp định, hai bên cam kết tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của mỗi bên đối với lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ. Theo đó, mỗi bên tự chủ tiến hành việc thăm dò, khai thác một cách độc lập các tài nguyên khoáng sản trong phạm vi thềm lục địa của mình. Đối với những cấu tạo mỏ dầu, khí tự nhiên đơn nhất hoặc mỏ khoáng sản khác nằm vắt ngang đường phân định, hai bên thông qua hiệp thương hữu nghị để đạt được thoả thuận về việc khai thác hữu hiệu nhất cũng như việc phân chia công bằng lợi ích thu được từ việc khai thác. Ngoài ra, Hiệp định cũng quy định về việc sử dụng hợp lý và phát triển bền vững tài nguyên sinh vật trong Vịnh Bắc Bộ cũng như hợp tác có liên quan đến bảo tồn, quản lý và sử dụng tài nguyên sinh vật ở vùng đặc quyền kinh tế hai nước.

3. Phân định ranh giới thềm lục địa Việt Nam – Indônêxia

** Vị trí, đặc điểm và tầm quan trọng của vùng chồng lấn trong thềm lục địa*

Việt Nam và Indônêxia có vùng biển và thềm lục địa chồng lấn nằm ở phía Đông Nam Việt Nam và Tây Bắc đảo lớn Borneo của Indônêxia. Trong khu vực này, đảo xa bờ nhất của Việt Nam là Côn Đảo, cách bờ

biển khoảng 90 km. Indônêxia là quốc gia quần đảo với hơn 17.000 hòn đảo lớn, nhỏ nằm rải rác trên một vùng biển rộng lớn. Đảo xa bờ nhất của Indônêxia trong khu vực đối diện với Việt Nam là đảo Natuna Bắc, cách đảo lớn Borneo của Indônêxia khoảng 320 km về hướng Tây Bắc.

Giữa hai quốc gia có vấn đề vạch ranh giới chung vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa. Vùng biển chồng lấn giữa hai nước trong thời gian tới 2 bên sẽ tiếp tục giải quyết và được phân định về đặc quyền kinh tế. Tạo điều kiện giữ gìn môi trường hoà bình ổn định, phù hợp với Luật biển quốc tế trên biển Đông, tạo cơ hội mới cho việc đầu tư và thăm dò dầu khí trên lục địa của 2 nước.

** Thực tiễn đàm phán phân định ranh giới thềm lục địa*

Năm 1969, Indônêxia ra tuyên bố về ranh giới thềm lục địa dựa trên nguyên tắc không vượt quá đường trung tuyến cách đều đường cơ sở quần đảo của Indônêxia và đường cơ sở của các quốc gia láng giềng.

Năm 1971, chính quyền Sài Gòn đã vạch ranh giới đặc nhượng dầu khí trên thềm lục địa Việt Nam, theo đó ranh giới biển giữa Việt Nam và Indônêxia là đường cách đều bờ biển Việt Nam và bờ biển đảo Borneo của Indônêxia.

Tuyên bố ngày 12/5/1977 của Chính phủ Việt Nam xác định thềm lục địa của Việt Nam là phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền của Việt Nam ra đến bờ ngoài của rìa lục địa hoặc đến 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

Tiếp đó, ngày 12/11/1982, Chính phủ Việt Nam công bố hệ thống đường cơ sở của phần lãnh thổ lục địa Việt Nam, theo đó đảo Côn Đảo được sử dụng làm một điểm cơ sở để vạch hệ thống đường cơ sở thẳng của Việt Nam.

Xuất phát từ sự khác nhau giữa các tuyên bố về ranh giới thềm lục địa của Indônêxia năm 1969 và của chính quyền Sài Gòn năm 1971 nên ngay từ năm 1972 hai bên đã tiến hành đàm phán phân định thềm lục địa.

Trong đàm phán, Indônêxia đưa ra yêu sách đường trung tuyến giữa hai đường cơ sở (Indônêxia sử dụng đường cơ sở quần đảo), thực chất là khoảng cách giữa đảo Natuna Bắc của Indônêxia và Côn Đảo của Việt Nam (còn gọi là trung tuyến đảo-đảo). Chính quyền Sài Gòn đề nghị phân định theo đường trung tuyến

giữa hai bờ biển Việt Nam và bờ biển đảo lớn Borneo Bắc (Calimantan) của Indônêxia (gọi là trung tuyến bờ-bờ). Hai đường trung tuyến này tạo thành vùng chồng lấn rộng khoảng 40.000 km². Hai bên không đạt được thỏa thuận nào.

Sau khi thống nhất đất nước, tháng 6/1978, Việt Nam và Indônêxia bắt đầu đàm phán về phân định thềm lục địa với Indônêxia.

Đàm phán phân định thềm lục địa giữa Việt Nam và Indônêxia là một quá trình dài xuất phát từ những yếu tố khách quan (Việt Nam là lãnh thổ lục địa, Indônêxia là quốc gia quần đảo) lẫn chủ quan (lập luận và việc vận dụng luật biển quốc tế của hai bên). Sau 25 năm đàm phán, với 2 vòng đàm phán cấp Chính phủ, 22 vòng họp cấp chuyên viên (10 vòng chính thức và 12 vòng không chính thức), bốn cuộc họp hẹp giữa 2 Trưởng đoàn đàm phán cấp chuyên viên, hai bên cuối cùng đã đi đến được một giải pháp cùng chấp nhận được.

Ngày 26/6/2003, Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Indônêxia về phân định thềm lục địa giữa hai nước đã được ký chính thức nhân dịp chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Megawati.

Hiệp định bao gồm 6 điều, với nội dung chủ yếu sau:

- Đường phân định được xác định bằng các đoạn thẳng nối tuần tự 6 điểm có tọa độ địa lý cụ thể, Hiệp định này chỉ phân định ranh giới thềm lục địa, không ảnh hưởng đến bất kỳ hiệp định nào sẽ được ký trong tương lai về phân định ranh giới vùng đặc quyền kinh tế giữa hai nước.

- Hai bên tham khảo ý kiến của nhau nhằm phối hợp chính sách phù hợp với luật pháp quốc tế về bảo vệ môi trường biển.

- Đối với các cấu tạo mỏ dầu khí hoặc mỏ khoáng sản khác dưới đáy biển nằm vắt ngang qua đường phân định thềm lục địa, hai bên sẽ thông báo cho nhau các thông tin liên quan cũng như thỏa thuận về cách thức khai thác hữu hiệu nhất các cấu tạo hoặc mỏ nói trên và về việc phân chia công bằng lợi ích từ việc khai thác.

** Đánh giá*

Việc ký kết Hiệp định đã giải tỏa được vấn đề duy nhất còn tồn tại trong quan hệ tốt đẹp giữa nước ta và Indônêxia, tạo điều kiện gìn giữ môi trường hoà

bình, ổn định, phù hợp với Luật biển quốc tế trên Biển Đông, tạo cơ hội mới cho việc tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu khí trên thềm lục địa 2 nước. Trong thời gian tới, hai bên sẽ tiếp tục giải quyết vấn đề phân định vùng đặc quyền kinh tế.

4. Hợp tác khai thác chung thềm lục địa chồng lấn Việt Nam – Malaixia.

**** Vị trí, đặc điểm và tầm quan trọng của vùng chồng lấn trong thềm lục địa***

Giữa Việt Nam và Malaixia tồn tại một vùng chồng lấn thềm lục địa rộng khoảng 2.800 km². Vùng này hình thành bởi đường ranh giới thềm lục địa do chính quyền Sài Gòn công bố năm 1971 và đường ranh giới thềm lục địa thể hiện trên hải đồ của Malaixia công bố năm 1979. Sở dĩ có sự khác nhau đó là do chính quyền Sài Gòn có tính đến đảo Hòn Khoai, các đảo của cả hai bên, còn Malaixia chỉ tính đến các đảo ven bờ của mình mà bỏ qua Hòn Khoai của Việt Nam (đảo Hòn Khoai cách bờ 6,5 hải lý). Đây là khu vực chồng lấn có diện tích không lớn nhưng có tiềm năng về dầu khí.

**** Thực tiễn đàm phán và kết quả***

Xuất phát từ nhu cầu khai thác dầu khí phục vụ phát triển của hai nước và thực tế là diện tích vùng chồng lấn không lớn, ngày 05/6/1992, tại cuộc đàm phán cấp Thứ trưởng ngoại giao tại Kuala Lumpur, hai bên đã ký Bản thỏa thuận (Memorandum of Understanding - MOU) về hợp tác thăm dò khai thác chung vùng chồng lấn với nội dung:

- Hai bên chính thức xác nhận tọa độ khu vực chồng lấn theo đường ranh giới thềm lục địa do Tổng cục Dầu khí Việt Nam công bố năm 1977 (trùng với yêu sách thềm lục địa do chính quyền Sài Gòn công bố năm 1971) và đường ranh giới thềm lục địa thể hiện trên hải đồ của Malaixia công bố năm 1979.

- Hai bên đồng ý tạm gác vấn đề phân định thềm lục địa để hợp tác tay đôi thăm dò và khai thác dầu khí trong khu vực xác định này theo các nguyên tắc sau:

- + Chia sẻ đồng đều chi phí và phân chia đồng đều lợi nhuận;
- + Các hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí sẽ được Petronas (Malaixia) và PetroVietnam (Việt Nam) tiến hành trên cơ sở dân xếp thương mại sau khi được Chính phủ hai bên phê chuẩn,

- Thỏa thuận này không làm phương hại tới lập trường cũng như đòi hỏi của mỗi bên đối với khu vực chồng lấn.

- Mỏ dầu khí có một phần nằm vắt ngang sang khu vực xác định và một phần nằm bên thềm lục địa của Malaixia hoặc Việt Nam thì hai bên sẽ thỏa thuận để thăm dò khai thác.

** Đánh giá*

Đây là thỏa thuận về hợp tác khai thác chung dầu khí đầu tiên của nước ta với các quốc gia láng giềng. Các mỏ thuộc khu vực chồng lấn Việt Nam - Malaixia là khu vực mỏ thứ ba sản xuất khai thác thương mại dầu khí của nước ta, tăng cường khả năng xuất khẩu và đem lại nguồn ngoại tệ lớn, phục vụ sự nghiệp xây dựng kinh tế, góp phần phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa Việt Nam và Malaixia.

5. Phân định biển với Campuchia

Việt Nam và Campuchia là hai quốc gia láng giềng kề cận nhau. Hai bên có vấn đề xác định rõ chủ quyền hải đảo và vạch đường biên giới lãnh hải, ranh giới vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa. Căn cứ vào thực tế lịch sử và luật pháp quốc tế, năm 1982, hai bên đã ký hiệp định về vùng nước lịch sử, trong đó xác định rõ chủ quyền đảo của bên theo một đường mà Toàn quyền Đông Dương Brévie đề xuất năm 1939, thiết lập một vùng nước lịch sử chung hai bên cùng nhau kiểm soát và quản lý, hoạt động đánh bắt hải sản được thực hiện theo tập quán như cũ, mọi hoạt động liên quan đến thăm dò dầu khí phải có ý kiến nhất trí của bên kia. Hiện nay, giữa hai bên chỉ còn tồn tại vấn đề vạch đường biên giới biển chung trong vùng nước lịch sử, lãnh hải và ranh giới biển chung trong vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa. Năm 1983, Hiệp ước về nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới giữa Việt Nam và Campuchia đã nêu rõ hai bên sẽ tiếp tục giải quyết vấn đề tồn tại theo tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, vì lợi ích quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hai quốc gia, phù hợp với pháp luật và thực tiễn quốc tế. Đến nay, hai nước cam kết thực hiện hiệp ước bổ sung hiệp ước hoạt động biên giới năm 1985 và tháng 10/2005 cả hai nhà nước đều bày tỏ cam kết tôn trọng các hiệp ước, hiệp định về

biên giới mà hai bên đã ký kết trong những năm 1980 và trên cơ sở đó, đang tiếp tục đàm phán giải quyết các vấn đề biên giới lãnh thổ còn tồn tại để sớm xây dựng được biên giới hoà bình, hữu nghị hợp tác trên đất liền, trên biển giữa hai quốc gia.

III. Kết luận

Vấn đề phân định biển là một vấn đề hết sức hệ trọng, liên quan đến chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ, quyền chủ động, quyền tài phán quốc gia, đến lợi ích quốc gia, đồng thời đây cũng là một vấn đề hết sức phức tạp và khó khăn. Việc phân định biển giữa các nước cần phải dựa trên nguyên tắc thoả thuận và *nguyên tắc công bằng đích thực*, có cơ sở luật pháp và thực tiễn quốc tế, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh khách quan của từng khu vực, đáp ứng một cách hợp lý lợi ích chính đáng của mỗi bên. Nếu không, việc phân định biển sẽ dẫn đến hậu quả khôn lường: dâng hiến lãnh thổ quốc gia, tài nguyên thiên nhiên của đất nước cho nước ngoài một cách hợp pháp.

Một quốc gia không thể áp đặt ý chí đơn phương của mình về biên giới cho một quốc gia láng giềng khác trái với pháp luật và thực tiễn quốc tế. Việc vạch đường biên giới trên biển giữa các quốc gia láng giềng đòi hỏi phải áp dụng chặt chẽ pháp luật và thực tiễn quốc tế trong điều kiện và hoàn cảnh tự nhiên cụ thể, mỗi quốc gia vừa phải bảo vệ chủ quyền và lợi ích của mình nhưng đồng thời cũng phải tôn trọng quyền và lợi ích chính đáng được pháp luật và thực tiễn quốc tế thừa nhận của các quốc gia láng giềng. Việc giải quyết tốt đẹp về kế hoạch hoạch định biên giới biển giữa Việt Nam với các quốc gia liên quan vừa qua là sự quán triệt và thể hiện chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta trong việc giải quyết vấn đề biên giới với các quốc gia láng giềng, đàm phán giải quyết trên tinh thần tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, phù hợp với pháp luật và thực tiễn quốc tế, phù hợp với hoàn cảnh khách quan nhằm đạt được một giải pháp công bằng các bên đều chấp nhận được. Kết quả đàm phán giải quyết đã giúp từng bước xác định rõ phạm vi và chế độ pháp lý của các vùng biển của Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng, khai thác và quản lý, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị với các quốc gia láng giềng, giảm nguy cơ tranh chấp xung đột, giữ gìn hoà bình và ổn định trên vùng biển chung quanh của đất nước./.

MỤC LỤC

I. Một số vấn đề lí luận.....	1
Thực tiễn quan hệ quốc tế cho thấy các quốc gia thường thoả thuận áp dụng các phương pháp phân định biển như sau:	1
✓ <i>Phương pháp đường trung tuyến cách đều: .</i>	1
✓ <i>Phương pháp công bằng.</i>	2
<i>Phân định Lãnh hải và Vùng tiếp giáp.....</i>	2
<i>Phân định vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.</i>	3
II. Đánh giá thực tiễn phân định biển giữa Việt Nam với các nước láng giềng.	5
1. Phân định ranh giới trên biển Việt Nam - Thái Lan (Vịnh Thái Lan) .	5
* <i>Vị trí, đặc điểm và tầm quan trọng của Vịnh Thái Lan</i>	5
* <i>Thực tiễn đàm phán và kết quả phân định ranh giới Vịnh Thái Lan.....</i>	6
* <i>Đánh giá</i>	7
2. Phân định Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc	7
* <i>Vị trí, đặc điểm và tầm quan trọng của Vịnh Bắc Bộ</i>	7
* <i>Thực tiễn đàm phán và kết quả phân định Vịnh Bắc Bộ.....</i>	8
* <i>Đánh giá</i>	10
3. Phân định ranh giới thềm lục địa Việt Nam – Indônêxia	10
* <i>Vị trí, đặc điểm và tầm quan trọng của vùng chồng lấn trong thềm lục địa</i>	10
* <i>Thực tiễn đàm phán phân định ranh giới thềm lục địa.....</i>	11
* <i>Đánh giá</i>	12
4. Hợp tác khai thác chung thềm lục địa chồng lấn Việt Nam – Malaixia.	13
* <i>Vị trí, đặc điểm và tầm quan trọng của vùng chồng lấn trong thềm lục địa</i>	13
* <i>Thực tiễn đàm phán và kết quả</i>	13
* <i>Đánh giá</i>	14
5. Phân định biển với Campuchia	14
III. Kết luận.....	15